TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 575/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trung Thành.

Bà Lương Thảo Vy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 555/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986; cư trú tại: tổ 06, ấp MH, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thái Minh S, sinh năm 1979; cư trú tại: tổ 06, ấp MH, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông S do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VTT (nay là thị trấn VTT) vào ngày 08/12/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, mâu thuẫn còn do ông S có hành vi dùng vũ lực, dùng lời lẽ xúc phạm và đe dọa bà. Trước đây, bà đã từng nộp đơn ly hôn với ông S khi vợ chồng làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Do ông S hứa sẽ thay đổi nên bà rút lại đơn khởi kiện nhưng đến nay ông S vẫn không thay đổi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: bà và ông S có 01 (Một) con chung tên Thái Văn Đ, sinh ngày 20/12/2005, hiện con chung đang sống với bà và ông S. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Thái Minh S vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà T có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T ly hôn với ông S.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Thái Văn Đ, sinh ngày 20/12/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con chung nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T và bị đơn ông Thái Minh S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VTT (nay là thị trấn VTT) vào ngày 08/12/2005. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông S, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, mâu thuẫn còn do ông S có hành vi dùng vũ lực, dùng lời lẽ xúc phạm và đe dọa bà.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà T và ông S đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông S từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy ông S không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Về con chung: bà T và ông S có 01 con chung tên Thái Văn Đ, sinh ngày 20/12/2005, hiện con chung đang sống với bà T và ông S. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông S không có ý kiến. Xét thấy, bà T có yêu cầu nuôi dưỡng con chung và con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà T. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như ổn định về môi trường sống, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Thái Văn Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng: do bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự: bà T phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông S không phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Xét các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Thái Minh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 651 ngày 08/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thanh T và ông Thái Minh S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Thái Văn Đ, sinh ngày 20/12/2005.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: bà Nguyễn Thanh T không yêu cầu ông Thái Minh S cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005767 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thanh T và ông Thái Minh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- UBND TT.VTT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang